

Bản án số: 01/2021/HS-ST

Ngày: 08/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Huy Hùng.
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Thái Quang Định và bà Phạm Thị Dung.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/HS-QĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Văn T, tên gọi khác: không; sinh ngày: 08/01/1989 tại Đ.T. Nơi cư trú: Thôn T.L, xã H, thị xã Đ, tỉnh Q; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Vũ Trương T và bà Đỗ Thị N; vợ, con: Chưa có.

- Tiền án:

Ngày 29/9/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Q xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 06/4/2018 thi hành án xong hình phạt tù, trở về địa phương.

- Tiền sự: không.

- Nhân thân: Ngày 07/8/2020, bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố V, tỉnh P khởi tố vụ án, bị can về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P về tội “Trộm cắp tài sản”, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Văn V, tên gọi khác: Gấu; sinh ngày: 03/9/1986 tại Đ.T. Nơi cư trú: Thôn L 1, xã H, thị xã Đ, tỉnh Q; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa:

12/12; con ông Bùi Văn N và bà Trần Thị H; có vợ là: Nguyễn Thị M, sinh năm 1992 và có 01 con, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân:

+ Ngày 18/10/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Q xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 28/9/2015 thi hành xong bản án.

+ Ngày 10/3/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/3/2017 thi hành xong bản án.

- Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 31/01/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố U, tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Đào Đức A, tên gọi khác: Cún Lãm, sinh ngày: 14/5/1995 tại Đ.T. Nơi cư trú: Thôn H, xã H.T, thị xã Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đào Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị L1; vợ: Mai Ngọc A, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2016.

- Tiền án:

+ Ngày 29/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Q xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 18/8/2014, thi hành xong hình phạt tù, chưa thi hành xong phần dân sự của bản án.

+ Ngày 16/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 15/12/2018, thi hành xong hình phạt tù.

- Tiền sự: không.

- Nhân thân:

+ Ngày 11/12/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 01/3/2015, thi hành xong bản án.

+ Ngày 12/2/2020, phạm tội “Trộm cắp tài sản” ở thành phố H, tỉnh H.D ngày 21/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.D về tội “Trộm cắp tài sản”, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

- Ông **Ngô Doãn X**

Địa chỉ: Tổ 3 – Khu T – N.K – U.B – Quảng Ninh, có mặt.

- Anh **Vũ Văn T**

Địa chỉ: Tổ 2 – Khu H – P. N – U.B – Quảng Ninh, vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Đình H**

Địa chỉ: Tổ 2 – Khu T – P.Đ – U.B – Quảng Ninh, vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Viết H.**

Địa chỉ: Tổ 4 – Khu 11 – T.S – U.B – Quảng Ninh, vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị Thu H**

Địa chỉ: Tổ 4, khu Q, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

2.3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Ngô Thị L**

Địa chỉ: Tổ 3 – Khu T – N.K – U.B – Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong 02 ngày 29/01/2020 và 30/01/2020, Bùi Văn V cùng đồng phạm đã thực hiện 04 vụ án, cụ thể:

Vụ thứ 1:

Khoảng 02 giờ ngày 29/01/2020, Vũ Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển kiểm soát (BKS) 15G1-482... đến nhà Bùi Văn V rủ V đi trộm cắp tài sản, V đồng ý. T điều khiển xe mô tô trên chõ V từ thị xã Đ đến thành phố U. Khoảng 03 giờ cùng ngày, khi đi qua nhà ông Ngô Doãn X ở tổ 3, khu T, phường N, thành phố U, V nhìn thấy trong sân nhà ông X có dựng 03 chiếc xe mô tô, trong đó có chiếc xe mô tô Honda Vision BKS 14Y1-126..., được khóa với nhau bằng dây cáp và khóa chốt, cổng nhà bên ngoài khóa. Quan sát xung quanh không có ai, V bảo T dừng xe đứng bên ngoài cánh giới, còn V đi vào dùng chiếc kim cộng lực mang theo từ trước cất, phá khóa cổng. Khi vào trong sân, V tiếp tục dùng kim cắt phá khóa chiếc xe mô tô Honda Vision, rồi dắt chiếc xe trên ra ngoài đường để T ngồi lên, còn V điều khiển chiếc xe mô tô Honda SH 150i BKS 15G1-482... dùng chân phải đẩy T cùng xe mô tô đi về hướng thị xã Đ. Khi đẩy xe đến đoạn đường cách cây xăng T.V, phường T.V, thành phố U.B được khoảng 100m thì cả hai dừng lại. V tháo ốp nhựa phía trước của chiếc xe mô tô Honda Vision rồi đấu điện đề nổ, khởi động xe. V điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp, còn T điều khiển chiếc xe mô tô Honda SH đi về nhà T ở thôn T, xã H, thị xã Đ cất giấu. Khi cất xe xong thì T đưa V về nhà. Khoảng 09 giờ ngày 29/01/2020, ông X phát hiện chiếc xe Honda Vision BKS 14Y1-126... của mình bị mất nên đã đến công an phường N, thành phố U trình báo.

Vụ thứ 2:

Khoảng 06 giờ ngày 29/01/2020, Vũ Văn T tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu đen đỏ, không gắn BKS đến nhà rủ Bùi Văn V đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô trên chõ V đi từ thị xã Đ đến thành phố U. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi qua nhà chị Vũ Thị H ở tổ 2, khu H phường P, thành phố U, V nhìn thấy trước cửa nhà chị H có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, màu sơn đen, BKS 14Y1-113... (chiếc xe này là của anh Vũ Văn T - anh trai chị H điều khiển đến nhà chị H có công việc gia đình). Quan sát xung quanh không có ai, V bảo T dừng xe ở ngoài cánh giới, còn V đi bộ vào dắt chiếc xe trên lùi ra đường rồi ngồi lên để T điều khiển chiếc xe mô tô Honda Winner dùng chân đẩy V cùng chiếc xe mô tô trộm cắp. Khi đi qua khu Đ, phường P, thành phố U thì cả 2 dừng xe, V tháo ốp nhựa phía trước của xe Honda SH mode ra đấu điện đề nổ, khởi động xe, cả 2 tiếp tục đi về nhà T để cất giấu chiếc xe vừa trộm cắp được. Sau đó, V đem chiếc xe Honda Winner đến cửa hàng sửa chữa xe mô tô của anh Lương Xuân T ở thôn M, xã H, thị xã Đ để sửa chữa.

Khoảng 07 giờ cùng ngày, anh T phát hiện chiếc xe mô tô của mình bị mất nên đã đến Công an phường P, thành phố U trình báo.

Vụ thứ 3:

Khoảng 12 giờ ngày 29/01/2020, V đang ở nhà thì Đào Đức A (tên thường gọi là Cún Lãm - cháu của V) điều khiển chiếc xe mô tô Honda Dream, không BKS chở theo một thanh niên (theo A khai là Lê Trọng H) đến nhà rủ V đi trộm cắp xe mô tô, V đồng ý. H điều khiển xe mô tô chở V và A đến thành phố U. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi qua nhà anh Nguyễn Viết H ở tổ 4, khu 11, phường T, thành phố U, V nhìn thấy cổng nhà anh H không khóa, trong sân có dựng 01 chiếc xe mô tô Honda SH mode, màu sơn đỏ đen, BKS 14Y1-111... nên bảo H dừng xe. V bảo A ở ngoài cảnh giới, còn V đi vào trong sân nhà anh H thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô trên đã được khóa chữ “U”. Do không có đồ phá khóa nên V cùng đồng bọn đi tìm mua đồ phá khóa. Khi đến khu vực ngã ba đường Quốc lộ 10 thì H xuống xe chờ, còn V và A đến cửa hàng vật tư kim khí “Dũng Nhâm” ở tổ 3, khu C, phường P do bà Trần Thị N làm chủ. Tại đây, V và A mua 2 thanh sắt có 2 đầu tán dẹt, một đầu được uốn chữ “L” với giá 40.000 đồng, mỗi người cầm một thanh sắt. Sau đó, cả hai quay lại nhà anh H. A ở bên ngoài đường cảnh giới còn V đi đến vị trí chiếc xe mô tô Honda SH mode, dùng thanh sắt vừa mua phá khóa chữ “U” của xe rồi dắt chiếc xe mô tô của anh H ra ngoài, còn thanh sắt V vắt gần vị trí chiếc xe. Khi ra đường, V ngồi lên xe vừa trộm cắp để A điều khiển xe Honda Dream dùng chân đẩy V cùng xe mô tô đi. Khi đi đến khu 6, phường T thì dừng lại, V tháo ốp nhựa phía trước của xe đầu nối điện đề nổ máy, khởi động xe. V điều khiển xe Honda Dream, A điều khiển xe mô tô Honda SH mode, BKS 14Y1-111... đến khu vực ngã ba đường Quốc lộ 10 đón H, rồi cả ba đi về nhà V. Sau đó, A mang chiếc xe trên cầm cố cho T (bạn xã hội của A, chưa xác định được lai lịch địa chỉ) được 10.000.000 đồng. A cầm số tiền trên về đưa cho V, V giữ lại 5.000.000 đồng, chia cho A 3.000.000 đồng, H 2.000.000 đồng. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, anh Nguyễn Viết H phát hiện chiếc xe mô tô của mình bị mất trộm nên đã đến công an phường T trình báo.

Vụ thứ 4:

Khoảng 17 giờ ngày 30/01/2020, V đang ở nhà thì Vũ Văn T điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode gắn biển số 14MĐ4-016... (là chiếc xe T, V trộm cắp của anh Vũ Văn T) đến nhà rủ V đi trộm cắp xe mô tô ở thành phố U, V đồng ý. T điều khiển xe mô tô chở V đến thành phố U. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi ngang qua nhà anh Nguyễn Đình H thuộc tổ 2, khu T, phường P, thành phố U, V nhìn thấy trong gian nhà để xe (cạnh phòng khách) nhà anh H có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đỏ đen, BKS 14Y1-173.89. V bảo T dừng xe cách cổng nhà anh H khoảng 15 mét, T ngồi trên xe mô tô đứng ở ngoài cảnh giới, còn V đi vào trong nhà anh H dắt được chiếc xe mô tô ra ngoài chỗ T. Sau đó, T lên chiếc xe mô tô Honda Airblade vừa trộm cắp được, còn V điều khiển xe mô tô Honda SH mode dùng chân phải đẩy T theo đường đi ra Công an phường P. Cùng lúc này, cháu Lê Thị Hải N (sinh năm 2009; trú tại tổ 2, khu T, phường P - hàng xóm nhà anh H) nhìn thấy sự việc và nói với anh Lê Bá T (bố cháu N). Anh T nói cho anh H biết sự việc rồi chia nhau cùng đi

tìm xe mô tô. Anh T điều khiển xe mô tô đi đến đoạn đường gần cổng Công an phường P thì nhìn thấy V và T. Anh T nhận ra xe mô tô nhà anh H bị trộm cắp nên đã hô hoán và điều khiển xe mô tô chặn V và T lại. T để lại chiếc xe Honda Airblade vừa trộm cắp được và bỏ chạy thoát, còn V lấy trong cốp xe Honda SH mode ra 01 một con dao đầu nhọn, cán gỗ, dài khoảng 30 cm ra chém anh T, mục đích để tẩu thoát, nhưng không trúng. Anh T tiếp tục hô hoán thì đồng chí Vũ Văn T và Nguyễn Khắc H là cán bộ Công an phường P cùng người dân xung quanh nghe thấy, chạy ra đuổi theo bắt giữ được V. Cơ quan công an đã thu giữ vật chứng là 02 chiếc xe mô tô Honda SH mode, xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đỏ đen, BKS 14Y1-173... và con dao mà V dùng để chém anh T.

Đối với T1, sau khi bỏ chạy đã gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Y (chị Y là bạn gái T, đang ở trọ cùng với T) đến đón. Một lúc sau chị Y điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i BKS 15G1-482... đến đón T rồi đưa T đến quán điện tử bán cá do cháu Nguyễn Văn T2 (sinh ngày 19/9/2004; trú tại khu A 2, phường P, thành phố U) trông coi, sau đó chị Y đi về phòng trọ. T1 gặp T2 lấy lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner (chưa xác định được BKS) đã gửi ở quán từ trước rồi bảo T đi cùng đến phòng trọ của T1. T1 nhờ T2 đem chiếc xe mô tô Honda SH 150i BKS 15G1-482... đi cất giấu. T2 đã đem chiếc xe trên về nhà mình cất giấu. Cất xe xong, T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner chở T2 về quán điện tử. Trên đường đi, T1 nói cho T2 biết việc mình và V đi trộm cắp xe mô tô vào tối ngày 30/01/2020 ở phường P, V đã bị bắt, sau đó T1 bỏ trốn.

Vụ thứ 5:

Khoảng 06 giờ ngày 14/4/2020, T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS 14X1-042.36 đi từ thành phố Hạ Long dọc theo Quốc lộ 18A hướng thành phố U tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 07 giờ 15 phút cùng ngày đi đến khu vực chợ hải sản phường Đ, thành phố H, T nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thu H đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen bạc BKS 14B1-375... đi ngược chiều với T. T nảy sinh ý định đi theo chị H chờ khi chị H sơ hở sẽ trộm cắp xe mô tô. Khi chị H về đến nhà ở tổ 4, khu Q, phường Đ, thành phố H, chị H dựng xe ở ngoài sân, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe và đi vào trong nhà (không có tường rào và cổng). Thấy vậy T mang xe mô tô Honda Lead gửi tại bãi đỗ xe nhà hàng L cách nhà chị H khoảng 30m rồi đi bộ quay lại nhà chị H. Quan sát xung quanh thấy không có ai, T đi đến vị trí để chiếc xe mô tô của chị H bật chìa khóa điện, đề nổ xe rồi đi ra Quốc lộ 18A. Khi đi đến phường T, thành phố H, T gửi xe tại bãi gửi xe của chung cư Sunrise. Sau đó T lên phòng 603 chung cư tìm chị Nguyễn Thị Y (bạn gái của T) đang ở đây nhờ Y đi lấy chiếc xe mô tô Honda Lead BKS 14X1 -042... về, Y đồng ý. Cả hai đón xe taxi quay lại nhà hàng L. T ngồi trên xe taxi đợi, còn Y vào lấy xe thì anh Nguyễn Văn A (chồng chị H) thấy nghi vấn nên giữ Y lại để kiểm tra. Lúc này, chị Y đưa anh A đến vị trí xe taxi T đang ngồi chờ hỏi đăng ký xe thì T bảo quay về nhà lấy. Chờ một lúc không thấy T quay lại, anh A đã trình báo Công an phường Đ. Cơ quan Công an đã tạm giữ chiếc xe mô tô Honda Lead BKS 14X1 -042..., còn chị Y được Công an cho về. Đối với T, sau khi rời đi đã quay lại bãi gửi xe của chung cư

Sunrise lấy chiếc xe Honda Airblade BKS 14B1-375... rồi điều khiển xe đến khu vực phường S, thành phố C bán cho một người không quen biết được 5.000.000 đồng. Số tiền này T đã ăn tiêu hết.

Sau khi nhận được trình báo của ông Ngô Doãn X, anh Vũ Văn T, Nguyễn Viết H, chị Nguyễn Thị Thu H Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu tại hiện trường vụ trộm cắp xe mô tô ở phường N: 01 ổ khóa đã vỡ thành 5 mảnh, 1 móc sắt của ổ khóa bị vỡ hình chữ “U”; thu tại hiện trường vụ trộm cắp xe mô tô tại phường T: 01 chiếc thanh sắt dài 60cm, 1 ổ khóa đã vỡ thành 2 mảnh màu trắng nhạt. Ngày 30/01/2020, cơ quan điều tra khám xét nơi ở của Bùi Văn V và Vũ Văn T, thu giữ của V 01 chiếc áo mưa màu xanh đen, phía ngực áo bên trái có chữ “Rando”; thu giữ tại nơi ở của Vũ Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 14P9-3568, 1 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream II không có biển số; thu tại nhà Nguyễn Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i BKS 15G1-482.33.

Ngày 30/01/2020, A nghe được tin V bị cơ quan công an bắt giữ nên gấp T để chuộc lại chiếc xe mô tô Honda SH mode, màu sơn đỏ đen, BKS 14Y1-111... đã trộm cắp ngày 29/01/2020 và nhờ anh Nguyễn Thanh M (trú tại tổ 31, khu 9, phường Q, thành phố U - bạn A) đem chiếc xe trên giao nộp cho cơ quan công an, còn A bỏ trốn đi lang thang nhiều nơi. Sau đó, A có hành vi trộm cắp xe mô tô tại thành phố H, tỉnh Hải Dương thì bị công an tỉnh Hải Dương bắt giữ, hiện A đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Ngày 04/02/2020, căn cứ lời khai của V, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô Honda Winner mà V cùng đồng bọn đã sử dụng để trộm cắp vào sáng ngày 29/01/2020 tại phường P, tại cửa hàng sửa chữa xe mô tô của anh Lương Xuân T ở thôn M, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. (Bút lục số 272).

Đối với T, sau khi phạm tội tại phường Đ, thành phố H đã bỏ trốn, ngày 28/7/2020 T tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Ngày 04/8/2020 T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V bắt giữ, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06 ngày 03/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Uông Bí kết luận:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đỏ bạc đen, BKS 14Y1-173.89 (xe cũ đã qua sử dụng) có giá trị là **28.000.0000 đồng**;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đen BKS 14Y1-126.59 (xe cũ đã qua sử dụng) có giá trị là **18.500.000 đồng**;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, màu sơn đen BKS 14Y1-113.07 (xe cũ đã qua sử dụng) có giá trị là **32.000.000 đồng**;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, màu sơn đỏ đen BKS 14Y1-111.79 (xe cũ đã qua sử dụng) có giá trị là **32.000.000 đồng**.

Tổng giá trị 4 chiếc xe là **110.500.000 đồng**.

(Các bút lục từ 167 đến 169).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 72/KLĐG ngày 27/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Hạ Long kết luận: 01 xe chiếc xe

mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đỏ đen bạc, BKS 14B1-375.31 tại thời điểm bị xâm phạm có giá trị là 21.927.500 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 235/GĐSK,SM ngày 03/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận:

+ 01 xe mô tô SH mode, màu sơn đen, gắn biển số 14MĐ4-016.14: số khung, số máy bị tẩy xóa; số khung nguyên thủy còn xác định được: RL...01DY08, số máy nguyên thủy còn xác định được:...0...

+ 01 xe mô tô màu sơn đen bạc, có chữ Yamaha, gắn biển số 14P9-3568: số khung, số máy bị tẩy xóa còn đọc được: RLCS5C640CY..., số máy bị tẩy xóa còn đọc được 5C64-8...7.

+ 01 xe mô tô dán mác Winner, màu sơn đen đỏ, không gắn biển số: số khung, số máy bị tẩy xóa, số khung còn xác định được RLHKC2601KY202465, không xác định được số máy nguyên thủy. (Bút lục số 171).

Tại Bản kết luận giám định số 407/GĐSK,SM ngày 27/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Số khung, số máy của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead gắn biển số 14X1-042.36 đã bị tẩy xóa; số khung nguyên thủy còn xác định được là RLHJF...Y...1534; không xác định được số máy nguyên thủy. (Bút lục số 779)

Tại Bản kết luận giám định số 387/GĐSK,SM ngày 27/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Hình dấu công an hiệu đóng trong biển số xe mô tô 14Y1-216.92 cần giám định so với hình dấu công an đóng trong biển số xe mô tô 14Y1-216.92 mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra. (BL 781).

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 14Y1-126..., Honda Airblade BKS 14B1-375... và chiếc biển số của xe Honda SH mode, màu sơn đen, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng chưa tìm được; chiếc kim cộng lực ở vụ trộm cắp tại phường N, thanh kim loại ở vụ trộm cắp ở phường T, các bị cáo V và A đã làm rơi, không truy tìm được; chiếc máy mài T sử dụng để tẩy xóa số khung, số máy xe mô tô, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

*** Về xử lý vật chứng, tài sản:**

- Đối với các xe mô tô Honda Airblade BKS 14Y1-173.89; Honda SH mode màu sơn đen, số khung, số máy bị tẩy xóa; Honda SH mode màu sơn đỏ đen BKS 14Y1-111... đã trả lại cho các anh Nguyễn Đình H, Vũ Văn T, Nguyễn Viết H.

- Đối với chiếc xe mô tô Honda SH 150i gắn biển số 15G1-482..., xác định có liên quan đến vụ trộm cắp khác xảy ra tại thị xã K, tỉnh Hải Dương đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K, tỉnh Hải Dương để giải quyết.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu sơn đỏ, số khung, số máy bị tẩy xóa, xác định có liên quan đến vụ trộm cắp khác xảy ra tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh để giải quyết.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream II; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius gắn BKS 14P9-3568; 01 xe mô tô Honda Lead màu sơn đỏ (không xác định được số khung, số máy); 01 biển số xe máy điện 14MĐ4-016.14;

01 biển số 14X1-042.36 chưa làm rõ được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 114/CT- VKSUB ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS; bị cáo Bùi Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm c, đ khoản 2 Điều 173 BLHS; bị cáo Đào Đức A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: Các bị cáo Vũ Văn T, Bùi Văn V và Đào Đức A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, V còn khai, sau khi trộm cắp được xe Honda SH mode, màu sơn đen, BKS 14Y1-113... của anh Vũ Văn Th, T đã đục lại số khung số máy, vớt biển số xe đi và gắn biển số 14MD4-016.14 vào chiếc xe mô tô trên. Xe mô tô Honda Dream II V cùng đồng bọn sử dụng để trộm cắp xe mô tô của anh Nguyễn Viết H là của Lê Trọng H, H đem chiếc xe đi đâu thì V không biết.

*Những người bị hại ông Ngô Doãn X (có mặt tại phiên tòa), anh Vũ Văn Th, anh Nguyễn Viết H, anh Nguyễn Đình H và chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng; đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T, Bùi Văn V, Đào Đức A phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 17; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 05 năm đến 05 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt chung với bản án số 172/2020/HS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt bị cáo 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/8/2020.

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Bùi Văn V từ 4 năm 6 tháng tù đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 31/01/2020.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Đào Đức A từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 56 BLHS: Tổng hợp với bản án số 56/2020/HS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 05 năm đến 05 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 12/2/2020.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy 1 con dao bằng kim loại dài 43cm; 1 chiếc áo mưa màu xanh đen, phía ngực áo bên trái có chữ “Rando”; 01 chiếc quần dài vải màu đen, phía trước đùi trái có hình vương miện màu trắng; 01 chiếc áo phao màu đen gắn mũ; 01 thanh sắt (gọng gà) dài 60cm, có 2 đầu tán dẹt, một đầu được uốn hình chữ L; 01 ổ khóa kim loại màu trắng đã vỡ 2 mảnh; 01 ổ khóa kim loại màu vàng nhạ đã vỡ thành 5 mảnh; 01 móc sắt hình chữ “U” của ổ khóa bị vỡ.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, 587, khoản 1 Điều 589 BLDS:

+ Buộc bị cáo Vũ Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Ngô Doãn X số tiền 18.500.000 đồng.

+ Bị cáo Vũ Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H 21.927.500 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 1 con dao bằng kim loại dài 43cm; 1 chiếc áo mưa màu xanh đen, phía ngực áo bên trái có chữ “Rando”; 01 chiếc quần dài vải màu đen, phía trước đùi trái có hình vương miện màu trắng; 01 chiếc áo phao màu đen gắn mũ; 01 thanh sắt (gọng gà) dài 60cm, có 2 đầu tán dẹt, một đầu được uốn hình chữ L; 01 ổ khóa kim loại màu trắng đã vỡ 2 mảnh; 01 ổ khóa kim loại màu vàng nhạ đã vỡ thành 5 mảnh; 01 móc sắt hình chữ “U” của ổ khóa bị vỡ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhau, với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; với lời khai của bị hại, với biên bản khám nghiệm hiện trường, với kết luận định giá tài sản, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở để HĐXX kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 03 giờ đến 06 giờ 40 phút, ngày 29/01/2020, tại khu vực tổ 3, khu T, phường N và tổ 2, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Văn T, Bùi Văn V là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu sơn đen BKS 14 Y1 – 126... trị giá **18.500.000 đồng** của ông Ngô Doãn X; trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu sơn đen, BKS 14Y1 – 113... trị giá **32.000.000 đồng** của anh Vũ Văn Th.

Khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, tại khu vực tổ 4, khu 11, phường T, U.B, Quảng Ninh, Bùi Văn V cùng với Đào Đức A có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Honda SH mode, màu sơn đỏ đen BKS 14Y1 – 111... trị giá **32.000.000 đồng** của anh Nguyễn Việt H.

Tiếp đến khoảng 18 giờ ngày 30/01/2020, tại tổ 2, khu T, phường P, U.B, Quảng Ninh Bùi Văn V cùng Vũ Văn T trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade BKS 14Y1 – 173... trị giá **28.000.000 đồng** của anh Nguyễn Đình H, khi đang bỏ chạy, V có hành vi dùng dao chém anh Lê Bá T (nhưng không trúng), mục đích để tẩu thoát thì bị Công an và quần chúng nhân dân bắt giữ, còn T bỏ chạy thoát.

Tiếp đến khoảng 07 giờ 15 phút ngày 14/4/2020, tại khu vực tổ 4, khu Q, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh Vũ Văn T có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade BKS 14B1-375... trị giá **21.927.500 đồng** của chị Nguyễn Thị Thu H.

Tổng giá trị tài sản mà T trộm cắp là **100.427.500 đồng**; V trộm cắp là **110.500.000 đồng**; Đ. A trộm cắp là **32.000.000 đồng**.

Hành vi của bị cáo Vũ Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của Bùi Văn V đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Đào Đức A phạm tội lần này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, nên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c, Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

đ, Hành hung để tẩu thoát;

...
g, Tái phạm nguy hiểm...”

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong cộng đồng dân cư. Các bị cáo là những người đã trưởng thành, nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng với bản chất coi thường pháp luật, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo T và V đã liên tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, V còn cùng Đ. A trộm cắp 01 vụ. Điều này thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật của các bị cáo, nên cần phải xét xử nghiêm minh, nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[3.2] Xét vai trò và nhân thân các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự tổ chức, phân công vai trò chặt chẽ. Tuy nhiên bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê V cùng trộm cắp 03 vụ và một mình T trộm cắp một vụ, V cùng với T trộm cắp 03 vụ và rủ rê Đ. A tham gia trộm cắp 01 vụ, giá trị tài sản các bị cáo T và V chiếm đoạt lớn, nên T giữ vai trò cao nhất sau mới đến V cuối cùng là Đ. A. Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, đều đã có tiền án, HĐXX sẽ xem xét, cân nhắc khi Quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo.

[3.3] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phạm tội 02 lần trở lên và lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, h khoản 1 Điều 52; bị cáo V phạm tội 02 lần trở lên, nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.4] Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, bị cáo Đào Đức A đã đi chuộc lại xe trộm cắp để nộp lại cho Cơ quan điều tra, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.5] Về hình phạt chính: Qua xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, HĐXX thấy rằng cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian dài, tương xứng với hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với

các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Các anh Vũ Văn Th, Nguyễn Viết H, Nguyễn Đình H đã được trả lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì, nên không đề cập.

- Quá trình điều tra, ông Ngô Doãn X yêu cầu các bị cáo T và V phải bồi thường giá trị chiếc xe bị mất. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T và V đều khai nhận chỉ một mình bị cáo T được ăn tiêu số tiền bán xe của ông X, còn bị cáo V không được chia tiền. Đồng thời, bị cáo T tự nhận trách nhiệm bồi thường và không yêu cầu bị cáo V phải liên đới bồi thường, bị cáo V cũng đồng ý, bị hại ông X tại phiên tòa cũng đồng ý với việc bị cáo T tự nguyện đứng ra bồi thường một mình, nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho ông X số tiền 18.500.000đồng

- Đối với chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị xe mô tô bị mất nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị H 21.927.500 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các xe mô tô Honda Airblade BKS 14Y1-173...; Honda SH mode màu sơn đen, số khung, số máy bị tẩy xóa; Honda SH mode màu sơn đỏ đen BKS 14Y1-111... đã trả lại cho các anh Nguyễn Đình H, Vũ Văn Th, Nguyễn Viết H nên không đề cập xử lý.

- Đối với chiếc mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 14B1-341..., trả lại cho anh Lê Bá T nên không đề cập xử lý.

- Đối với chiếc xe mô tô Honda SH 150i, xác định có liên quan đến vụ trộm cắp khác xảy ra tại thị xã K, tỉnh Hải Dương đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã K để giải quyết theo thẩm quyền.

- Đối với 1 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu sơn đỏ, số khung, số máy bị tẩy xóa, xác định có liên quan đến vụ trộm cắp khác xảy ra tại thị xã Q, đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Q để giải quyết.

- Đối với 1 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream II; 1 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius gắn BKS 14P9-3568; 01 biển số xe mô tô 15G1-482.33; 01 biển số xe máy điện 14MĐ4-016.14 chưa làm rõ được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau.

- Đối với 1 con dao bằng kim loại dài 43cm; 1 chiếc áo mưa màu xanh đen, phía ngực áo bên trái có chữ “Rando”; 01 chiếc quần dài vải màu đen, phía trước đùi trái có hình vương miện màu trắng; 01 chiếc áo phao màu đen gắn mũ; 01 thanh sắt (gong gà) dài 60cm, có 2 đầu tán dẹt, một đầu được uốn hình chữ L; 01 ổ khóa kim loại màu trắng đã vỡ 2 mảnh; 01 ổ khóa kim loại màu vàng nhạt đã vỡ thành 5 mảnh; 01 móc sắt hình chữ “U” của ổ khóa bị vỡ, xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 14Y1-126.59, Honda Airblade BKS 14B1-375.31 Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng chưa tìm được.

[6] Về tình tiết khác trong vụ án:

- Đối với đối tượng Lê Trọng H, quá trình điều tra xác định H có địa chỉ tại thôn 7, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Hiện tại H đang vắng mặt tại địa phương nên chưa đủ cơ sở chứng minh đã tham gia cùng V và Đức A trộm cắp xe mô tô của anh Nguyễn Việt H, Cơ quan điều tra đã tách ra làm rõ xử lý sau.

- Đối với người đàn ông tên Đ chưa xác định được con người, địa chỉ lai lịch cụ thể nên không đề cập xử lý.

- Đối với cháu Nguyễn Văn T2 được T1 kể về việc đi trộm cắp vào tối ngày 30/01/2020, nhưng cháu T2 chưa đủ 16 tuổi nên không đủ cơ sở xử lý hình sự.

- Đối với chị Nguyễn Thị Y, các anh Nguyễn Thanh M, Lương Xuân T, bà Trần Thị N không biết việc các bị can trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Vũ văn T, Bùi Văn V và Đào Đức A** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

1.1 Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Vũ Văn T 05 năm 06 tháng tù**; tổng hợp hình phạt với bản án số: 172/2020/HS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt bị cáo 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **09 (chín) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/8/2020.

1.2 Căn cứ vào: Các điểm c, đ khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bùi Văn V 05 (năm) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt 31/01/2020.

1.3 Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đào Đức A 36 (ba mươi sáu) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt với bản án số 56/2020/HS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã xử phạt bị cáo **30 (ba mươi) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt 12/2/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 BLDS: Buộc bị cáo Vũ Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Ngô Doãn X số tiền 18.500.000 đồng và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H 21.927.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại, nếu bị cáo không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy 1 con dao bằng kim loại dài 43cm; 1 chiếc áo mưa màu xanh đen, phía ngực áo bên trái có chữ “Rando”; 01 chiếc quần dài vải màu đen, phía trước đùi trái có hình vương miện màu trắng; 01 chiếc áo phao màu đen gắn mũ; 01 thanh sắt (gọng gà) dài 60cm, có 2 đầu tán dẹt, một đầu được uốn hình chữ L; 01 ổ khóa kim loại màu trắng đã vỡ 2 mảnh; 01 ổ khóa kim loại màu vàng nhật đã vỡ thành 5 mảnh; 01 móc sắt hình chữ “U” của ổ khóa bị vỡ.

(Số vật chứng, tài sản trên có tình trạng và đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Văn T, Bùi Văn V và Đào Đức A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Vũ Văn T phải chịu 2.021.375 đồng (hai triệu không trăm hai mươi một nghìn ba trăm bảy mươi năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo và bị hại ông Ngô Doãn X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- CQTHAHS Công an TP Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Huy Hùng